

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (ĐỢT 31)

(Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Vũng Tàu)

Dự án: án Khu tái định cư Tây Bắc đường AIII, phường 12, thành phố Vũng Tàu

Số TT	NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT BỒI THƯỜNG (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÃ THU HỒI, BỒI THƯỜNG (m ²)	PHÂN LOẠI ĐẤT		CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG				CÁC HOẢN HỖ TRỢ KHÁC		TỔNG CỘNG	GHI CHÚ
						ĐẤT Ở	NÔNG NGHIỆP	ĐẤT	HOA MÀU	NHÀ, VKT	BỒI THƯỜNG KHÁC	HỖ TRỢ (NHÀ, VKT)	KHÁC		
1	Các ông (bà) Nguyễn Thị Luyện, Võ Văn Học, Nguyễn Văn Nhuận, Võ Kỳ Khoa (đồng quyền sử dụng đất)	hẻm 155/1 Đò Lương, P12, TPVT	341,00	341,00	0,00	0,00	341,00	2.386.318.000	10.489.000	0	0	0	1.800.000	2.398.607.000	
2	Các ông (bà) Đoàn Văn Luân, Nguyễn Thị Lợi, Vũ Kim Hoa, Lê Văn Hải, Vũ Huy Hoàng (đồng quyền sử dụng đất)	hẻm 155/1 Đò Lương, P12, TPVT	406,70	406,70	0,00	0,00	406,70	2.846.086.600	0	0	0	0	0	2.846.086.600	
3	Các ông (bà) Nguyễn Nguyên Vũ, Hồ Đình Hiến, Hoàng Văn Hiến, Bùi Văn Huân, Nguyễn Văn Minh (đồng quyền sử dụng đất)	hẻm 155/1 Đò Lương, P12, TPVT	551,80	551,80	0,00	0,00	551,80	1.487.101.000	17.388.381	0	0	0	0	1.504.489.381	

4	Các ông (bà) Phạm Văn Thìn, Trần Thị Hoa, Nguyễn Thị Thùy, Vũ Thị Kim Luyện, Phạm Thanh Trường, Nguyễn Đình Huân (đồng quyền sử dụng đất), trên đất có tài sản của ông Bùi Thanh Phước	hẻm 155/1 Đô Lương, P12, TPVT	551,00	551,00	0,00	0,00	551,00	1.812.790.000	13.478.396	0	0	0	1.800.000	1.828.068.396
5	Các ông (bà) Nguyễn Văn Năm, Hoàng Xuân Hải, Nguyễn Phùng cảnh, Đỗ Thị Thanh, Cao Thị Thủy, Phan Thị Lùng, Cao Thị Vân, Hoàng Văn Hiến (đồng quyền sử dụng đất), trên đất có tài sản của các ông (bà) Hồ Xuân Sơn, Lâm Tấn Phát - Nguyễn Bé Ngọc, Nguyễn Văn Năm - Trương Nguyễn Hạnh Trang, Ngô Văn Dương - Chu Thị Vân	hẻm 155/1 Đô Lương, P12, TPVT	901,50	901,50	0,00	0,00	901,50	2.965.935.000	9.100.404	0	0	0	7.200.000	2.982.235.404
6	Ông (bà) Lê Minh Tiến, Nguyễn Đăng Đồng, Trương Thị Nguyệt Lãng.	Phường 12, TP. Vũng Tàu	0,00	0,00	Bổ sung tiền bồi thường cây trồng chưa tính tại Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 24/01/2024			29.306.400	0	0	0	0	29.306.400	
7	Ông (bà) Phạm Trọng Hải - Bùi Thị Chinh	Phường 12, TP. Vũng Tàu	0,00	0,00	Bổ sung tiền bồi thường cây trồng chưa tính tại Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 24/01/2024			684.000	0	0	0	0	684.000	

8	Ông (bà) Nguyễn Văn Tuấn - Đỗ Mai Thu Hương	Phường 12, TP. Vũng Tàu	0,00	0,00	Bổ sung tiền bồi thường cây trồng chưa tính tại Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	5.173.750	0	0	0	0	5.173.750			
9	Ông (bà) Lê Văn Kháng	Phường 12, TP. Vũng Tàu	0,00	0,00	Bổ sung tiền bồi thường cây trồng chưa tính tại Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	4.540.500	0	0	0	0	4.540.500			
10	Ông (bà) Nguyễn Thị Bích	Phường 12, TP. Vũng Tàu	0,00	0,00	Bổ sung tiền bồi thường cây trồng chưa tính tại Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	5.203.000	0	0	0	0	5.203.000			
11	Ông (bà) Lê Văn Hòa	Phường 12, TP. Vũng Tàu	0,00	0,00	Bổ sung tiền bồi thường cây trồng chưa tính tại Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	7.463.657	0	0	0	0	7.463.657			
TỔNG CỘNG:			2.752,00	2.752,00	0,00	0,00	2.752,00	11.498.230.600	102.827.488	0	0	0	10.800.000	11.611.858.088

- * Diện tích đất thu hồi : 2.752,00 m2
- * Diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ : 0,00 m2
- * Diện tích đất đủ điều kiện bồi thường: : 2.752,00 m2 (đất nông nghiệp)
- * Số trường hợp có đất, tài sản bị giải tỏa : 05 trường hợp
- * Số trường hợp được tính bồi thường bổ sung hoa màu, cây trái trên đất trước đây chưa tính bồi thường (áp dụng đơn giá cây trồng theo Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quy định về giá bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2024) : 06 hộ dân
- * Số hộ tái định cư : không

* Số hộ giao đất ở mới	:	không
a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ:	:	11.611.858.088 đồng
- Kinh phí bồi thường:		11.601.058.088 đồng
+ Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất	:	11.498.230.600 đồng
+ Bồi thường hoa màu, cây trái	:	102.827.488 đồng
+ Bồi thường nhà, vật kiến trúc	:	0 đồng
+ Bồi thường khác	:	0 đồng
- Kinh phí hỗ trợ khác	:	10.800.000 đồng
+ Hỗ trợ nhà, vật kiến trúc	:	0 đồng
+ Hỗ trợ khác	:	10.800.000 đồng
b) Kinh phí 2% phục vụ BTGPMB x 2%	11.611.858.088 x 2%	232.237.162 đồng
* Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (a) + (b)		11.844.095.250 đồng.

(Bằng chữ: Mười một tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn, hai trăm năm mươi đồng)

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Hồng Thuận

